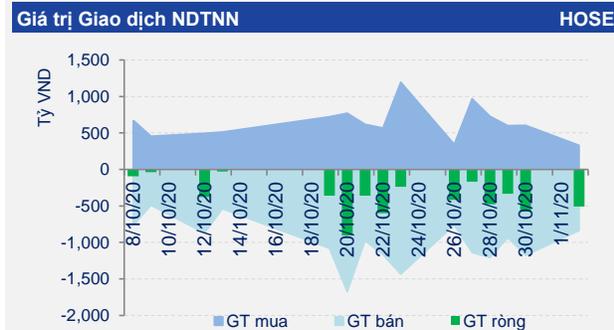
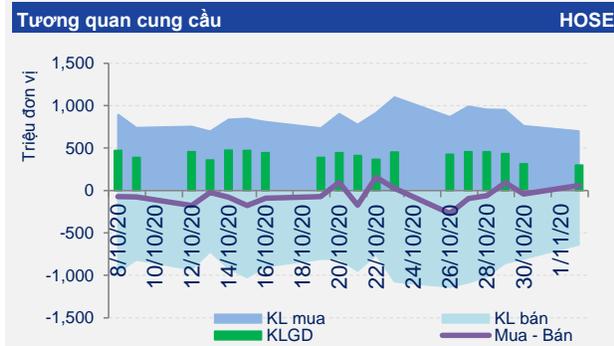


MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 2/11/2020

Thống kê thị trường	HOSE	HNX
Index	933.68	136.87
% Thay đổi	↑ 0.89%	↑ 1.13%
KLGD (CP)	297,601,123	34,152,982
GTGD (tỷ đồng)	5,343.81	376.99
Tổng cung (CP)	640,949,500	68,017,400
Tổng cầu (CP)	700,477,210	65,594,600

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	25,858,880	377,368
KL mua (CP)	13,432,360	199,030
GTmua (tỷ đồng)	330.95	1.84
GT bán (tỷ đồng)	838.30	3.13
GT ròng (tỷ đồng)	(507.35)	(1.29)



Nghành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.49%	11.9	2.0	2.3%
Công nghiệp	↑ 0.62%	12.6	2.3	14.1%
Dầu khí	↓ -1.04%	-	1.9	0.9%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 1.58%	104.3	3.6	3.9%
Dược phẩm và Y tế	↑ 1.17%	13.5	2.4	0.6%
Hàng Tiêu dùng	↑ 0.23%	15.9	4.2	18.0%
Ngân hàng	↑ 2.20%	8.2	2.0	21.2%
Nguyên vật liệu	↑ 1.86%	14.4	1.7	18.9%
Tài chính	↑ 0.34%	15.7	2.5	17.6%
Tiện ích Cộng đồng	↓ -0.62%	12.4	2.0	2.5%
VN - Index	↑ 0.89%	15.0	2.7	
HNX - Index	↑ 1.13%	9.8	1.6	

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường tăng điểm trong phiên đầu tuần với thanh khoản tiếp tục suy giảm. Cụ thể, kết thúc phiên giao dịch, VN-Index tăng 8,21 điểm (+0,89%) lên 933,68 điểm; HNX-Index tăng 1,53 điểm (+1,13%) lên 136,87 điểm. Thanh khoản khớp lệnh trên hai sàn suy giảm so với phiên cuối tuần trước và tiếp tục thấp hơn mức trung bình 20 phiên với giá trị giao dịch đạt 5.720 tỷ đồng tương ứng với khối lượng giao dịch 332 triệu cổ phiếu, trong đó giao dịch thỏa thuận chiếm 732 tỷ đồng. Độ rộng thị trường là tích cực với 405 mã tăng, 114 mã tham chiếu, 190 mã giảm. Thị trường giảm nhẹ vào đầu phiên nhưng ngay sau đó bật lên khá mạnh nhờ lực cầu gia tăng tốt và chỉ số VN-Index đã kết phiên ở mức cao nhất. Nhóm cổ phiếu trụ cột được mua vào và phần lớn đều tăng giá, có thể kể đến như VCB (+3,4%), CTG (+4,8%), VJC (+3,7%), GVR (+3,2%), BID (+1%), MWG (+1,6%), SAB (+0,7%), MSN (+0,6%), MBB (+1,1%), VPB (+0,8%)... Ở chiều ngược lại, vẫn còn một số trụ cột giảm như GAS (-1%), VNM (-0,4%), PLX (-1,3%), KDH (-2,4%), VHM (-0,1%)... Trên sàn HNX, các trụ cột đều hồi phục như ACB (+1,7%), VIF (+9,8%), VCG (+2,2%), SHB (+1,3%)... giúp chỉ số HNX-Index tăng 1,13% giá trị vốn hóa trong phiên đầu tuần.

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

Thị trường hồi phục trong phiên đầu tuần nhưng với thanh khoản tiếp tục suy giảm và thấp hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy lực cầu mua lên là không thực mạnh, chỉ số tăng điểm chủ yếu do hoạt động tiết cung. Trên góc nhìn kỹ thuật, VN-Index hiện kết phiên trong vùng 930-935 điểm (MA20), do đó khả năng chỉ số sẽ giằng co trong vùng này trước khi xác định xu hướng ngắn hạn tiếp theo có thể xảy ra trong phiên tới. Khối ngoại tiếp tục bán ròng mạnh với giá trị gần 510 tỷ đồng trên hai sàn là diễn biến tiêu cực cần lưu ý. Tuy nhiên, trên thị trường phái sinh, hợp đồng tương lai VN30 tháng 11 tăng mạnh hơn so với chỉ số cơ sở VN30, qua đó nới rộng mức basis dương lên 4,73 điểm, cho thấy các nhà giao dịch trên thị trường phái sinh lạc quan về khả năng hồi phục của chỉ số. Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 3/11, VN-Index có thể sẽ giằng co và đi ngang với biên độ trong khoảng 930-935 điểm (MA20). Những nhà đầu tư đã bắt đáy thăm dò một phần tỷ trọng danh mục trong vùng 930-935 điểm (MA20) trong phiên 28/10 nên tiếp tục quan sát, có thể giải ngân thêm một phần danh mục nữa nếu thị trường có nhịp giảm về ngưỡng hỗ trợ trung hạn quanh 910 điểm (MA50).



TIN TRONG NƯỚC

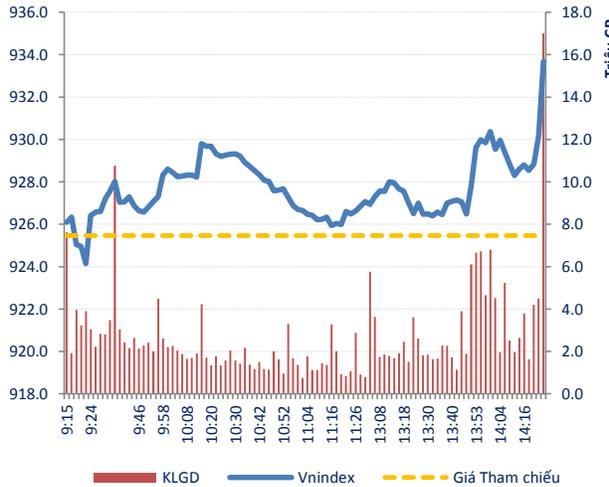
Giá vàng trong nước tăng	Tại thời điểm 15 giờ, Tập đoàn vàng bạc đá quý DOJI niêm yết giá vàng SJC ở mức 56,1 - 56,35 triệu đồng/lượng (mua vào - bán ra) tăng 350.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và không giảm ở chiều bán ra.
Tỷ giá trung tâm không đổi	Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 2/11 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.201 VND/USD, không đổi so với cuối tuần qua.

TIN QUỐC TẾ

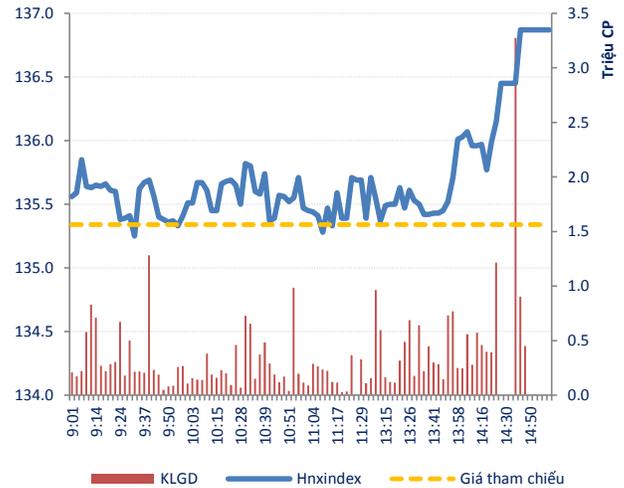
Giá vàng thế giới tăng	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới tăng 3,15 USD/ounce tương ứng với 0,17% lên 1.882,95 USD/ounce.
Tỷ giá ngoại tệ: USD tăng	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) tăng 0,251 điểm tương ứng 0,26% lên 94,29 điểm. USD tăng so với EUR lên: 1 EUR đổi 1,1625 USD. USD tăng so với GBP lên: 1 GBP đổi 1,2861 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 104,94 JPY.
Giá dầu thế giới giảm	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI giảm 1,24 USD tương ứng 3,52% xuống 34,52 USD/thùng.
Chứng khoán Mỹ giảm điểm	Kết thúc phiên giao dịch ngày 30/10, chỉ số Dow Jones giảm 157,51 điểm tương ứng 0,59% xuống 26.501,6 điểm; chỉ số Nasdaq giảm 274 điểm tương ứng 2,45% xuống 10.911,59 điểm; chỉ số S&P 500 giảm 40,15 điểm tương ứng 1,21% xuống 3.269,96 điểm.

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

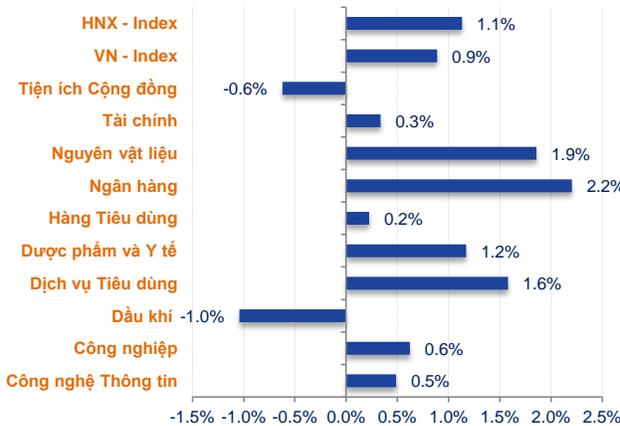
KLGD và VN-Index trong phiên



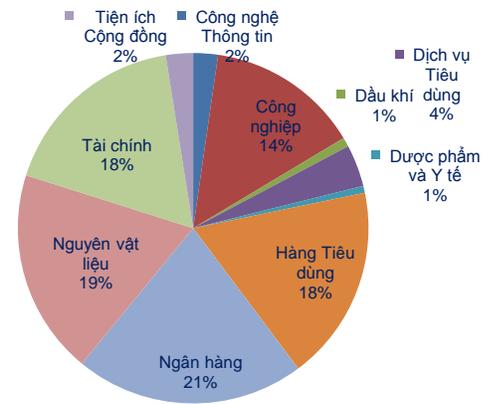
KLGD và HNX-Index trong phiên



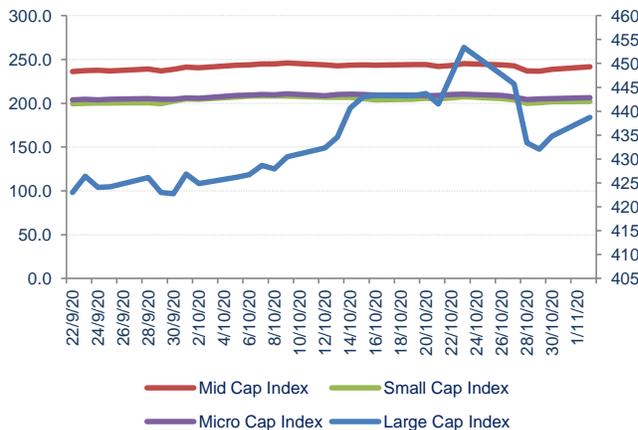
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



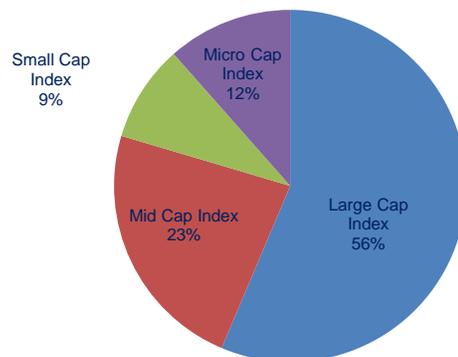
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	DXG	1,869,510	MSN	2,784,590
2	VPB	727,330	POW	2,586,300
3	GVR	603,190	HPG	1,274,550
4	SBT	580,100	KDH	1,210,000
5	DCM	403,260	VRE	1,174,630

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	BVS	79,200	SD9	158,500
2	TXM	62,500	SD6	105,000
3	TIG	9,200	SHS	21,750
4	CEO	8,000	IDC	20,600
5	DXP	7,800	HMH	17,600

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
FLC	4.18	4.47	↑ 6.94%	32,808,870
TCB	21.35	21.40	↑ 0.23%	22,943,680
HSG	15.00	15.95	↑ 6.33%	15,608,300
HQC	1.66	1.63	↓ -1.81%	11,356,760
HPG	30.55	30.60	↑ 0.16%	10,418,860

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
ACB	24.10	24.50	↑ 1.66%	3,855,653
MST	3.80	4.00	↑ 5.26%	3,801,785
CEO	6.80	7.00	↑ 2.94%	2,583,181
HUT	2.50	2.40	↓ -4.00%	2,025,491
SHB	15.40	15.60	↑ 1.30%	1,917,457

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HTN	27.25	29.15	1.90	↑ 6.97%
VAF	8.65	9.25	0.60	↑ 6.94%
FLC	4.18	4.47	0.29	↑ 6.94%
HU1	7.10	7.59	0.49	↑ 6.90%
TSC	2.61	2.79	0.18	↑ 6.90%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
WSS	2.00	2.20	0.20	↑ 10.00%
VIF	16.40	18.00	1.60	↑ 9.76%
RCL	15.50	17.00	1.50	↑ 9.68%
SED	14.50	15.90	1.40	↑ 9.66%
CET	2.20	2.40	0.20	↑ 9.09%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HOT	37.95	35.40	-2.55	↓ -6.72%
TNT	2.09	1.95	-0.14	↓ -6.70%
LM8	11.60	10.85	-0.75	↓ -6.47%
TS4	3.45	3.23	-0.22	↓ -6.38%
HTL	15.45	14.50	-0.95	↓ -6.15%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SEB	36.50	32.90	-3.60	↓ -9.86%
PCE	10.80	9.80	-1.00	↓ -9.26%
FID	1.10	1.00	-0.10	↓ -9.09%
VIG	1.10	1.00	-0.10	↓ -9.09%
STP	6.80	6.20	-0.60	↓ -8.82%

(*) Giá điều chỉnh



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
FLC	32,808,870	-13.1%	(1,886)	-	0.3
TCB	22,943,680	3250.0%	3,257	6.6	1.1
HSG	15,608,300	19.0%	2,589	6.2	1.1
HQC	11,356,760	0.6%	58	28.2	0.2
HPG	10,418,860	20.9%	3,235	9.5	1.8

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	3,855,653	22.1%	3,099	7.9	1.6
MST	3,801,785	1.9%	257	15.5	0.3
CEO	2,583,181	2.7%	370	18.9	0.5
HUT	2,025,491	1.8%	212	11.3	0.2
SHB	1,917,457	12.9%	1,702	9.2	1.1

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
HTN	↑ 7.0%	29.4%	6,842	4.3	1.1
VAF	↑ 6.9%	2.9%	338	27.3	0.8
FLC	↑ 6.9%	-13.1%	(1,886)	-	0.3
HU1	↑ 6.9%	5.7%	900	8.4	0.5
TSC	↑ 6.9%	0.1%	6	430.6	0.2

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
WSS	↑ 10.0%	13.4%	1,337	1.6	0.2
VIF	↑ 9.8%	7.3%	1,050	17.1	1.3
RCL	↑ 9.7%	5.0%	1,439	11.8	0.8
SED	↑ 9.7%	15.2%	3,632	4.4	0.6
CET	↑ 9.1%	-2.6%	(278)	-	0.2

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
DXG	1,869,510	-0.9%	(151)	-	0.7
VPB	727,330	21.8%	4,121	5.8	1.2
GVR	603,190	6.1%	768	19.0	1.2
SBT	580,100	5.5%	686	21.4	1.2
DCM	403,260	9.2%	1,101	11.5	1.0

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
BVS	79,200	6.7%	1,692	6.2	0.4
TXM	62,500	-0.7%	(111)	-	0.3
TIG	9,200	9.2%	1,238	4.4	0.4
CEO	8,000	2.7%	370	18.9	0.5
DXP	7,800	12.4%	2,022	6.0	0.7

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	360,229	7.0%	2,509	42.4	2.9
VCB	318,222	19.4%	4,631	18.5	3.4
VHM	249,674	30.6%	6,762	11.2	3.2
VNM	224,846	35.3%	5,320	20.2	7.1
BID	156,457	10.7%	2,133	18.2	1.9

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	52,958	22.1%	3,099	7.9	1.6
SHB	27,383	12.9%	1,702	9.2	1.1
VCG	18,066	20.2%	3,660	11.2	2.1
VCS	11,143	39.0%	8,573	8.4	3.0
IDC	7,860	7.1%	1,010	26.0	1.8

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VRC	2.05	0.2%	61	101.2	0.2
CLG	1.78	-145.8%	(9,852)	-	0.9
TNI	1.69	0.6%	73	41.4	0.3
ASM	1.51	9.2%	2,294	3.8	0.3
TTF	1.49	0.0%	(1,412)	-	-

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
CTP	3.04	7.2%	870	3.8	0.3
SHS	2.02	15.8%	2,130	5.8	0.9
D11	1.64	17.0%	2,849	7.3	1.2
BII	1.64	-17.1%	(1,683)	-	0.1
HUT	1.64	1.8%	212	11.3	0.2



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trường phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
